Ký bởi: Ủy ban Nhân dân huyện Chư Sê
Email: ubndchuse@gialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Ngày ký: 28.03.2019 14:32:21 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ SÊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 55./QĐ-UBND	*Chư Sê, ngày 25 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Giao kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2019

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật tổ chức Chính Quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định 113/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh Gia Lai V/v giao kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính- Kế hoạch tại văn bản số: 52/TCKH-KH ngày 25/3/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019, với tổng kinh phí: **3.172 triệu đồng (Ba tỷ, một trăm bảy mươi hai triệu đồng)** cho Phòng dân tộc huyện, Lao động TB&XH và UBND các xã để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019; trong đó:

1. Ngân sách trung ương: 2.943 triệu đồng.
2. Ngân sách tỉnh đối ứng: 229 triệu đồng

(có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Phòng Dân tộc, Lao động TB&XH, UBND các xã có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm:

- Quản lý và sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả.
- Chủ động bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương, huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các mục tiêu của chương trình.
- Triển khai thực hiện đúng tiêu chí, định mức theo quy định của Bộ, ngành trung ương hướng dẫn thực hiện kế hoạch chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019;
- Thực hiện chế độ báo cáo, thanh quyết toán đúng thời gian và quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND &UBND huyện; Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc kho bạc nhà nước; Trưởng phòng Dân tộc, Lao động TB&XH, Chủ tịch UBND các xã có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này .

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận*:**
- Như điều 3;
- Các sở: Sở Tài chính; Sở KH&ĐT (B/c);
- Phòng NN-PTNT;
- Lưu VT - CVKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Linh

TỔNG HỢP PHÂN BỔ KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2019

(VỐN SỰ NGHIỆP)

(Kèm theo Quyết định số ...55/QĐ-UBND ngày ...25 tháng .....3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Chư Sê)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019												
		Tổng kinh phí	Tiểu dự án 1		Tiểu dự án 2		Tiểu dự án 3		Dự án 3		Dự án 4		Dự án 5	
			Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh đối ứng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh đối ứng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh đối ứng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh đối ứng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh đối ứng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh đối ứng
A	**TỔNG SỐ**	**3.172,0**	**494,0**	**49,0**	**1.751,2**	**175,0**	**230,0**	**0,0**	**290,8**	**0,0**	**55,0**	**5,0**	**122,0**	**0,0**
1	UBND Xã H'Bông	**502,4**	170,0		266,0	40,0			26,4					
2	UBND Xã Kông H'Tok	**495,4**	154,0	49,0	266,0				26,4					
3	UBND Xã Ayun	**560,6**	170,0		319,2	45,0			26,4					
1	UBND Xã Bờ Ngoong (1)	**76,4**	0,0	0,0	50,0				26,4					
2	UBND Xã Chư Pơng (3)	**176,4**	0,0	0,0	150,0				26,4					
3	UBND Xã la Blang (4/5)	**316,4**	0,0	0,0	200,0	90,0			26,4					
4	UBND Xã Dun (1)	**76,4**	0,0	0,0	50,0				26,4					
5	UBND Xã la Pal (3)	**176,4**	0,0	0,0	150,0				26,4					
6	UBND Xã la Ko (1)	**76,4**	0,0	0,0	50,0				26,4					
7	UBND Xã la Tiêm (1)	**76,4**	0,0	0,0	50,0				26,4					
8	UBND xã Al Bă (4/5)	**226,4**	0,0	0,0	200,0				26,4					
9	Phòng Dân tộc	**230,0**					230,0							
10	Phòng Lao động TB&XH	**182,0**									55,0	5,0	122,0	

Ghi chú:Chương trình 135

Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn: Duy tu bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng (Biểu chi tiết số 01)

Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (Biểu chi tiết số 2)

Tiểu dự án 3: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; thôn bản đặc biệt khó khăn.(Biểu chi tiết số 03)

Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 (Biểu chi tiết số 04)

Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (Biểu chi tiết số 05)

Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình (Biểu chi tiết số 06)

BIỂU SỐ 01

TIỂU DỰ ÁN 1:
DUY TU, BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH CƠ SỞ HẠ TẦNG
(VỐN SỰ NGHIỆP)

(Kèm theo Quyết định số 55./QĐ-UBND ngày 25 tháng 3... năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Chư Sê)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch năm 2019			
		Tổng kinh phí	Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng Chương trình 135		
			Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh đối ứng
I	**TỔNG SỐ**	**543**	**543**	**494**	**49**
1	UBND xã Kông Htok	203	203	154	49
2	UBND xã H'Bông	170	170	170	
3	UBND xã Ayun	170	170	170	

Ghi chú:

UBND các xã đăng ký danh mục công trình duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng cơ sở với UBND huyện (qua phòng Tài chính-KH) để trình Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Dân tộc (có danh mục công trình và Biên bản lựa chọn công trình cần duy tu, bảo dưỡng của cấp xã hoặc thôn kèm theo).

BIỂU SỐ 02

TIỂU DỰ ÁN 2:

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ VÀ NHÂN RỘNG MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN, XÃ BIÊN GIỚI, CÁC THÔN, LÀNG ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

(VỐN SỰ NGHIỆP)

(Kèm theo Quyết định số ..../QĐ-UBND ngày ..../..../tháng ..../.... năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Chư Sê)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Huyện/ xã/các thôn, làng	Kế hoạch năm 2019										Tên đơn vị	Ghi chú
		Tổng kinh phí	Trong đó		Xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới			Thôn, làng đặc biệt khó khăn					
					Kinh phí (*)				Kinh phí				
			Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh đối ứng	Tổng số	Trong đó		Tổng số thôn	Tổng số	Trong đó			
						Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh đối ứng			Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh đối ứng		
A	**TỔNG SỐ**	**1.926,2**	**1.751,2**	**175,0**	**936,2**	**851,2**	**85,0**	**18,0**	**990,0**	**900,0**	**90,0**		
I	**Xã ĐBKK**	**936,2**	**851,2**	**85,0**	**936,2**	**851,2**	**85,0**						
1	Xã H'Bông	306,0	266,0	40,0	306,0	266,0	40,0					UBND Xã H'Bông	
2	Xã Kông H'Tok	266,0	266,0		266,0	266,0						UBND Xã Kông H'Tok	
3	Xã Ayun	364,2	319,2	45,0	364,2	319,2	45,0					UBND Xã Ayun	
II	**Thôn, làng ĐBKK:**	**990,0**	**900,0**	**90,0**				**18,0**	**990,0**	**900,0**	**90,0**		
1	Xã Bờ Ngoong (1)	50,0	50,0	0,0					50,0	50,0		UBND Xã Bờ Ngoong	Tổng số 20 thôn, làng ĐBKK; la Blang (4/5) và Al Bă (4/5)
2	Xã Chư Pơng (3)	150,0	150,0	0,0					150,0	150,0		UBND Xã Chư Pơng	
3	Xã la Blang (4/5)	290,0	200,0	90,0					290,0	200,0	90,0	UBND Xã la Blang	
4	Xã Dun (1)	50,0	50,0	0,0					50,0	50,0		UBND Xã Dun	
5	Xã la Pal (3)	150,0	150,0	0,0					150,0	150,0		UBND Xã la Pal	
6	Xã la Ko (1)	50,0	50,0	0,0					50,0	50,0		UBND Xã la Ko	
7	Xã la Tiêm (1)	50,0	50,0	0,0					50,0	50,0		UBND Xã la Tiêm	
8	xã Al Bă (4/5)	200,0	200,0	0,0					200,0	200,0		UBND xã Al Bă	

Ghi chú: - Danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Phân bổ vốn theo tiêu chí, định mức (Hệ số K) quy định tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Danh sách thôn, làng đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 414/QĐ-UBDT ngày 11/7/2017 của Ủy ban Dân tộc; vốn phân bổ theo định mức 50 triệu đồng/thôn; mỗi xã hỗ trợ đầu tư không quá 04 thôn,
- Đề nghị Phòng NN&PTNT chủ trì phối hợp Phòng Lao động TB&XH, phòng Dân tộc hướng dẫn UBND các xã triển khai thực hiện dự án.

BIỂU SỐ 03

TIỂU DỰ ÁN 03:

DỰ ÁN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CỘNG ĐỒNG VÀ CÁN BỘ CƠ SỞ CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN, XÃ BIÊN GIỚI; THÔN, LÀNG ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN (VỐN SỰ NGHIỆP)

(Kèm theo Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Chư Sê)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch năm 2019			
		Số thôn, làng ĐBKK (KV II, III)	Kinh phí	Trong đó	
				Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh đối ứng
	TỔNG SỐ	**46**	**230**	**230**	**0**
1	Phòng Dân tộc huyện Chư Sê	46	230	230	

BIỂU SỐ 04

DỰ ÁN 03:
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ, NHÂN RỘNG MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH 30a VÀ CHƯƠNG TRÌNH 135
(VỐN SỰ NGHIỆP)

(Kèm theo Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Chư Sê)

ĐVT: Triệu đồ

STT	Đơn vị	Kế hoạch vốn năm 2019	
		Kinh phí	Trong đó
			Ngân sách trung ương
	TỔNG SỐ	**290,8**	**290,8**
1	UBND Xã H'Bông	26,4	26,4
2	UBND Xã Kông H'Tok	26,4	26,4
3	UBND Xã Ayun	26,4	26,4
4	UBND Xã Bờ Ngoong	26,4	26,4
5	UBND Xã Chư Pơng	26,4	26,4
6	UBND Xã Ia Blang	26,4	26,4
7	UBND Xã Dun	26,4	26,4
8	UBND Xã Ia Pal	26,4	26,4
9	UBND Xã Ia Ko	26,4	26,4
10	UBND Xã Ia Tiêm	26,4	26,4
11	UBND xã Al Bă	26,4	26,4

Ghi chú:

-Đề nghị Phòng NN&PTNT phối hợp Phòng Lao động TB&XH hướng dẫn UBND các xã triển khai thực hiện dự án.

BIỂU SỐ 5

DỰ ÁN 04:
TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢM NGHÈO VÀ THÔNG TIN
(VỐN SỰ NGHIỆP)
(Kèm theo Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2019
của Ủy ban nhân dân huyện Chư Sê)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch vốn năm 2019		
		Kinh phí	Trong đó	
			Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh đối ứng (*)
	TỔNG SỐ	**60,0**	**55,0**	**5**
1	Phòng Lao động TB&XH huyện	60,0	55,0	5

Ghi chú:
-Đề nghị Phòng Lao động TB&XH chủ trì phối hợp Trung tâm văn hóa, thông tin thể thao huyện triển khai thực hiện dự án

BIỂU SỐ 6

DỰ ÁN 05:

NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC

(VỐN SỰ NGHIỆP)

(Kèm theo Quyết định số .55../QĐ-UBND ngày .....25tháng ...3.. năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Chư Sê)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch vốn năm 2019				
		Kinh phí	Trong đó			
			Ngân sách trung ương			Ngân sách tỉnh đối ứng
			Hoạt động nâng cao năng lực	Kiểm tra giám sát chương trình	Điều tra hộ nghèo, tổ chức đánh giá chương trình	
	TỔNG SỐ	**122,0**	**50,0**	**16,0**	**56,0**	**0**
1	Phòng Lao động TB&XH huyện	122,0	50,0	16,0	56,0	